TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HS – ST
Ngày: 22 – 8 – 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

2/ Bà Hoàng Thị Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mai Nhi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2025/TLST – HS ngày 30/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST – HS ngày 31/7/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Huy T1, sinh năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: B28 ấp Mỹ H (ấp A mới), xã Xuân Thới Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B28 ấp B, xã Xuân Thới S, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Ngọc S (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Hoài N; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 19 tháng theo Quyết định số 126/2023/QĐ-TA. Chấp hành xong quyết định ngày 04/9/2024, theo Giấy chứng nhận số 2957/CN-CS1 ngày 16/8/2024 của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1.

Nhân thân:

Ngày 02/11/2015, bị Công an xã Xuân Thới Thượng xử phạt vi phạm hành chính với hình thức Cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 543/QĐ – XPHC.

Ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 603/2017/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/01/2021, theo Biên bản xác minh ngày 06/3/2025. Đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/02/2018, theo Công văn số 378/CCTHADS ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Thành T2 (tên gọi khác: T3), sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp A, xã Phú Đi, huyện Tân P, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ A, ấp A, xã Phú H, tỉnh Đồng Nai); chỗ ở: Nhà không số ấp A, xã Xuân Thới T, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Nhà không số ấp A, xã Bà Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T (đã chết); họ và tên mẹ: Phạm Thị Bích P; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Ngọc Kim T, có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 16/10/2012, bị đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 6386/QĐ-UBND. Ngày 27/01/2014, chấp hành xong quyết định theo Giấy chứng nhận số 30/GCN – TGD của Trường Giáo dưỡng số 4.

Ngày 25/4/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 148/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2017, theo Công văn số 4245/PC11A-Đ1 ngày 25/6/2025 của Trại tạm giam Chí Hòa. Đóng án phí ngày 15/7/2019, theo Công văn số 326/THADS – VP ngày 09/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2025 (có mặt).

Bị hại: Ông Lê Văn T4, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A7/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: A7/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A7/47, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là: A7/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bà Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 25/5 (Tổ A, ấp A cũ) ấp A, xã Xuân Thới T, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là 25/5 (Tổ A, ấp A cũ) ấp A, xã Bà Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thành T2 có mối quan hệ là bạn bè. Vào khoảng 23 giờ ngày 22/10/2024, T1 gọi điện thoại rủ T2 đi trộm cắp tài sản, T2 đồng ý. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 59YA-171.40 chở T2, T2 mang theo 01 kìm cộng lực dài khoảng 40 cm, cán bọc nhựa màu vàng đi qua nhiều tuyến đường trên địa bàn xã Vĩnh L để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 02 giờ ngày 23/10/2024, khi cả 2 đi đến trước địa chỉ A4/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình Chánh (nay là A4/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, Thành phố Hồ Chí Minh) thì T2 phát hiện xe mô tô biển số 59N2-866.06 của ông Lê Văn T4 đang dựng ở trong sân nhà nên nói với T1 "Có chiếc xe trong sân kìa". T1 dừng xe, T2 đi lại cổng, dùng kiềm cắt chốt dưới của cánh cổng bên phải rồi cùng với T1 đẩy mở được cổng. Lúc này, T1 đi vào trong sân đẩy lùi xe mô tô biển số 59N2-866.06 ra khỏi cổng. Sau đó, T2 điều khiển mô tô biển số 59YA-171.40, dùng chân để đẩy xe mô tô biển số 59N2-866.06 cùng T1 đến nhà của ông Nguyễn Xuân Thanh T5 tại địa chỉ 125/1 ấp T, xã Bà Đ, huyện Hóc M (nay là 125/1 ấp Tiền L, xã Bà Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) để gửi nhưng do ông T5 đã ngủ nên T1 dựng xe mô tô vừa trộm được sát bụi cây phía ngoài đường hẻm trước nhà ông T5 rồi cùng T2 đi về.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T1 gọi cho ông T5 nói xe của T1 bị hư nên gửi bên hông nhà thì ông T5 nói "Ừa nhưng tao đi làm tối ngày, còn chị mày lo cho mấy đứa nhỏ không coi được có gì mày chịu nha, tao không biết". Khoảng 14 giờ ngày 24/10/2024, T1 điều khiển xe mô tô biển số 59YA-171.40 chở T2 qua nhà ông T5, tháo bộ phận điều khiển Smartkey của xe mô tô biển số 59N2-866.06 để đi làm lại chìa khoá xe tại tiệm của ông Vũ Hoàng V tại trước địa chỉ 2/10 Nguyễn Thị S, ấp Bắc L, xã Bà Đ, huyện Hóc M (nay là 2/10 Nguyễn Thị S, ấp Bắc L, xã Bà Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi cả hai làm chìa khóa mới đi về thì thấy có Công an trước nhà ông T5 nên T1 và T2 bỏ trốn. Ngày 15/11/2024, T1 bị Công an mời về làm việc.

Ngày 29/4/2025, Công an xã Vĩnh Lộc A tuần tra trước địa chỉ 95 Nguyễn Thị L, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C (nay là 95 Nguyễn Thị L, ấp A, xã Vĩnh L, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện Nguyễn Thành T2 có biểu hiện nghi vấn nên đưa về trụ sở làm việc.

Sau khi bị mất trộm tài sản, bà Nguyễn Thị Ngọc N (vợ của ông Lê Văn T4) đến Công an xã Vĩnh Lộc A trình báo sự việc. Công an xã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để thụ lý, điều tra.

Kết quả định giá tài sản số 3758/KL – HĐĐGTS ngày 26/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, biển số 59N2-866.06 trị giá: 25.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thành T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô SH Mode màu đỏ đen, biển số 59N2-866.06; số máy: JF51E0817382; số khung: RLHJF5137GZ206303; 01 USB; 01 xe mô tô Vision màu đen biển số 59YA-171.40, số máy JK03E3354096, số khung RLHJK0355RY042524; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số seri R9JN70W1TMJ gắn sim số 0766506931 và số 0796687183; 01 quần Jean dài màu đen, 01 đôi dép màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT – VKS ngày 29 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thành T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thành T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị hại ông Lê Văn T4 vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hoài N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện xe mô tô hiệu Vision biển số 59YA-171.40 là của bà đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/10/2024 con bà là bị cáo T1 lấy đi chơi bà không

biết; sau đó con bà dùng làm phương tiện phạm tội, bà đề nghị được nhận lại xe để bà làm phương tiện làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thanh T2 tại tòa hoàn toàn phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 207 – 209, 214 – 217, 283 – 286, 351 – 354, 401 – 403; 445 – 447); phù hợp với lời khai của Lê Văn T4 (BL: 218 – 222); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, kết quả định giá tài sản…cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 02 giờ ngày 22/10/2024, các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thanh T2 đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ở địa chỉ A4/47/4 ấp A, xã Vĩnh L, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm đoạt một xe mô tô hiệu SH Mode, biển số 59N2-866.06 có trị giá 25.000.000 đồng của ông Lê Văn T4 (theo Kết luận định 3758/KL – HĐĐGTS ngày 26/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh).

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Huy T1 và Nguyễn Thanh T2 đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, lười biếng lao động nên các bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp

hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân các bị cáo:

Đối với bị cáo T1 có 01 tiền sự: Ngày 14/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 19 tháng theo Quyết định số 126/2023/QĐ-TA. Chấp hành xong quyết định ngày 04/9/2024. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 02/11/2015, bị Công an xã Xuân Thới Thượng xử phạt vi phạm hành chính hình thức Cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 543/QĐ – XPHC. Ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 603/2017/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/01/2021, theo Biên bản xác minh ngày 06/3/2025.

Đối với bị cáo T2: Ngày 16/10/2012, bị đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 6386/QĐ. Ngày 27/01/2014, chấp hành xong quyết định. Ngày 25/4/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 148/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2017.

Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân của các bị cáo mà có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể nên không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Xét, bị cáo T1 là người chủ mưu, khởi xướng dùng xe của mình làm phương tiện phạm tội; bị cáo T2 là người mang theo kìm để cắt cổng cửa, cả hai cùng chiếm đoạt xe. Do đó, khi lượng mức án của các bị cáo là ngang bằng nhau là phù hợp với hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của từng bị cáo.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản kịp thu hồi giao trả cho bị hại, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[8] Đối với ông Nguyễn Xuân Thanh T5 là người cho bị cáo T1 gửi xe mô tô SH Mode, biển số 59N2-866.06 nhưng ông T5 không biết xe trên là do bị cáo T1 trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô SH Mode màu đỏ đen, biển số 59N2-866.06; số máy: JF51E0817382; số khung: RLHJF5137GZ206303, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã

trả xe trên cho ông bị hại ông Lê Văn T4 theo Biên bản trả lại tài sản được lập vào hồi 14 giờ ngày 11/02/2025, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô Vision màu đen biển số 59YA-171.40, số máy JK03E3354096, số khung RLHJK0355RY042524. Qua điều tra xác định do bà Nguyễn Thị Hoài N (mẹ ruột bị cáo T1) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/10/2024, T1 tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản, bà N không biết nên không có lỗi, Hội đồng xét xử tuyên trả lại xe trên cho bà N là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số seri R9JN70W1TMJ gắn sim số 0766506931 và số 0796687183. Qua điều tra xác định đây là điện thoại của bị cáo T1 dùng để gọi rủ T2 đi trộm cắp, Hội đồng xét xử không xét trả lại cho bị cáo T1 mà tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 quần Jean dài màu đen, 01 đôi dép màu đen, đây là trang phục bị cáo T1 mặc khi phạm tội, bị cáo từ chối nhận lại, xét đồ vật này không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 USB chứa video liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Huy T1.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thành T2.

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T1 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T2 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2025.

Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số seri R9JN70W1TMJ gắn sim số 0766506931 và số 0796687183.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hoài N 01 xe mô tô Vision màu đen biển số 59YA-171.40, số máy JK03E3354096, số khung RLHJK0355RY042524.

Tịch thu tiêu hủy 01 quần Jean dài màu đen, 01 đôi dép màu đen.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao, nhận tang tài vật được lập vào ngày 30/7/2025 giữa Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB (đang lưu hồ sơ vụ án).

Ghi nhận các phần vật chứng khác Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải quyết xong.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trạm tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực huyện Bình Chánh;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Sơn

2AAKKBT*εφφχαγ+